

BẢO KHỐ

VĂN HOÁ THỜI GIAN PHƯƠNG ĐÔNG

CHỌN VIỆC THEO LỊCH ÂM

Hiệu đính: thạc sỹ - Nguyễn Văn Chính



NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

BẢO KHỐ

VĂN HÓA THỜI GIAN PHƯƠNG ĐÔNG
CHỌN VIỆC THEO
LỊCH ÂM

Hiệu đính: Thạc sĩ Nguyễn Văn Chinh

Để giúp các Quý vị độc giả phân biệt sách
do NXB in và sách in lậu, địa sách của NXB
in hình nốt.
Kính mong các Quý vị độc giả yêu thích
sách nên chọn sách có địa hình in nốt.
NXB xin trân trọng cảm ơn!

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÓA

BỘ KHố

VĂN HÒA THỜI GIẢN PHƯƠNG ĐÔNG
**CHỌN VIỆC THEO
LỊCH ÁM**

Hệ thống: Tác giả: Nguyễn Văn Chính

***Để giúp các Quý vị độc giả phân biệt sách
do NXB in và sách in lậu, bìa sách của NXB
in hình nổi.***

***Kính mong các Quý vị độc giả yêu thích
sách nên chọn sách có bìa hình in nổi.***

NXB xin trân trọng cảm ơn!

NHÀ XUẤT BẢN THANH HÒA

PHƯƠNG PHÁP CHỌN VIỆC THEO THỜI GIAN LỊCH ÂM

I. LỊCH SỬ VẤN ĐỀ CHỌN THỜI GIAN CHO TỪNG VIỆC

1. SỰ HÌNH THÀNH LỊCH CAN CHI CÙNG VỚI LỊCH ÂM

Người Trung Hoa, Việt Nam xưa lấy thuyết Thiên Địa Nhân làm nòng cốt để cân bằng cuộc sống của mỗi người sao cho bình ổn theo hướng phát triển. *Thiên* là xem xét những yếu tố hiện có của không gian, vũ trụ tác động lên con người như: Nhật, Nguyệt, Tinh. *Địa* là xem xét yếu tố của đất liên quan đến sự thịnh suy cũng cho từng người như Thủy, Hoả, Phong. *Nhân* là mỗi người hãy dùng cái trí của mình mà sống hài hoà với trời đất (thiên địa). Do vậy, người xưa cho rằng, đã là bậc trí giả phải biết “trên thông thiên văn, dưới tường địa lý”, còn bản thân mình phải biết hành động sao cho hợp với “đạo trời và đạo người”.

Thiên chính là Vũ Trụ, phân bao nhúng Trái Đất chúng ta. Thiên gồm có: Nhật (Mặt Trời), Nguyệt (Mặt Trăng), Tinh (các vì sao hay các vì tinh tú), các yếu tố này của Thiên luôn luôn từng giờ, từng ngày, từng tháng, từng năm chiếu thẳng xuống Trái Đất, xuống từng người. Sự trực chiếu của Nhật theo năm, của Nguyệt theo tháng, của Tinh thì theo tất cả các mức độ thời gian là năm tháng ngày và giờ. Sự trực chiếu này qua các Cát tinh, Hung tinh. Các Cát tinh, Hung tinh trực chiếu xuống Trái đất theo một quy luật nhất định, quy luật trực chiếu này được thể hiện qua năm, tháng, ngày và giờ theo lịch Âm và lịch Can Chi.

Địa là Trái Đất nơi nhân loại sinh tồn và phát triển cũng có 3 yếu tố là: Thủy khí, Phong khí và Hỏa khí. Các Khí này trên Trái Đất có được do tiếp nhận Khí của Nhật, Nguyệt, Tinh. Khí này trên Trái Đất có thể là Sinh khí có lợi mà cũng có thể là Sát khí có hại cho mọi vật, cho con người. Sự xuất hiện Sinh khí hay Sát khí trên Trái đất cũng theo quy luật vận động của Vũ trụ và của Trái

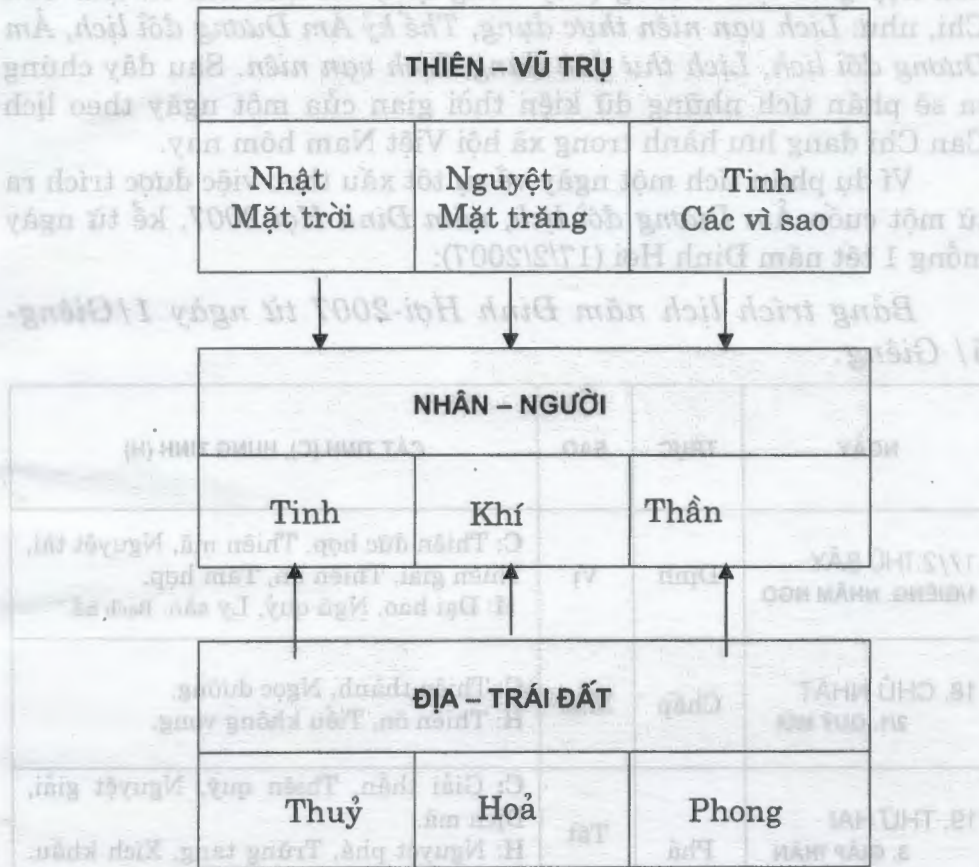
đất qua năm, tháng, ngày và giờ. Ngoài ra còn phụ thuộc vào cách xây dựng nhà ở của mỗi người, nên đã hình thành môn Phong thủy học.

Nhân là một cơ thể sống-là Người, trong đó có 3 yếu tố luôn chuyển hoá cho nhau là: Tinh-Khí-Thần. Tinh chất của tự nhiên vào người hoá Khí để duy trì mọi sự hoạt động, chính Khí hoá Thần tạo ra nhận thức của con người. Nhưng chính Khí mới là cái quyết định sự tồn tại của một con người, vì Khí tuyệt thì mệnh tuyệt. Tinh-Khí-Thần luôn luôn có cảm ứng với Vũ trụ, với Trái đất qua Nhật-Nguyệt-Tinh và Thuỷ -Hoả -Phong. Sự cảm ứng này của Nhân có thể theo chiều hướng tốt hoặc chưa tốt. Chính con người phương Đông hàng ngàn năm qua đã đi tìm và hoàn thiện công cụ để đo “sự cảm ứng” của mình với Thiên và Địa. Một trong cái thước đo đó chính là lịch Can Chi và lịch Âm.

Trái Đất tự nó quay một vòng và qua 12 thời khắc mà đón nhận sự tác động của các vì tinh tú (sao), của Nhật, Nguyệt theo chiều hướng tốt hoặc xấu tới mỗi người. Để biết sự tác động này qua đó mà biết “đạo trời” và “thông thiên văn, tường địa lý”, người Trung Hoa, Việt Nam xưa đã dùng cái thước đo thời gian là lịch, và họ đã chế tác ra các loại lịch. Thực chất các loại lịch của người xưa là “đo” mức độ tác động của Nhật, Nguyệt, Tinh và Thuỷ, Hoả, Phong lên từng người qua từng năm, từng tháng, từng giờ. Từ đời Tần, Hán đến đời Đường của Trung Hoa, xã hội thời đó đã xuất hiện cách chọn ngày tốt, giờ tốt cho mọi việc, điều mà người xưa gọi là thuật Trạch cát, họ đã dựng nên các sách lịch thư (sách ghi ngày, thời tiết trong năm), chuyên giúp người đời cách chọn ngày để dễ làm việc. Để dân gian dễ chọn ngày theo việc, cổ nhân đã dựng nên những cuốn lịch nhỏ có tên là Thông thư, Hoàng lịch. Dựa vào đó, bất kể những việc từ trọng đại như: hôn nhân, dựng nhà, việc hiếu, xuất hành đi xa, tậu trâu bò, vào nhà mới..., cho đến những việc nhỏ như may quần áo cô dâu chú rể, cắt tóc cho trẻ nhỏ lên đầu, tắm gội, ủ men nấu rượu, kê giường nằm..., người xưa đều tra Hoàng lịch và Thông thư.

Chính sự hình thành nên thước đo thời gian của người phương Đông, đã hình thành nên thuật Trạch cát: thuật xem xét thời gian tốt xấu ảnh hưởng đến mỗi người.

Hình: sự tác động của Thiên và Địa lên mỗi người:



Có thể nói, Hoàng lịch (còn gọi là Lịch thư dân dụng) là cuốn sách hoàn hảo thuận tiện cho việc chọn ngày tốt cho các việc. Sách được biên soạn từ đời Thanh Trung Hoa, trên cơ sở kế thừa thuật trạch cát từ nhiều đời trước, như Đường, Tống...Hiện nay, dân gian Trung Quốc lục địa và Hồng Kông, Đài Loan...rất ưa dùng loại lịch này. Những phần tiếp theo dưới đây, được chi tiết hoá theo tinh thần của Hoàng lịch hay Lịch thư dân dụng và trên cơ sở một số tài liệu về thuật trạch cát khác.

Một điều mà từ xưa tới nay khi dân gian chọn việc theo ngày đều căn cứ chủ yếu vào ngày Can Chi được ghi kèm theo thứ tự số của ngày trong Âm lịch như hiện đang dùng cùng với Dương lịch hiện hành. Như vậy lịch Can Chi và Âm lịch là công cụ để đo Nhật, Nguyệt, Tinh tức Thiên tác động lên Trái Đất, lên từng người.

Ngày nay ở Việt Nam, chúng ta đang sử dụng một loại lịch hỗn hợp giữa lịch Dương (hay Công lịch) với lịch Âm và lịch Can Chi, như: *Lịch vạn niên thực dụng, Thế kỷ Âm Dương đối lịch, Âm Dương đối lịch, Lịch thư dân dụng, Lịch vạn niên*. Sau đây chúng ta sẽ phân tích những dữ kiện thời gian của một ngày theo lịch Can Chi đang lưu hành trong xã hội Việt Nam hôm nay.

Ví dụ phân tích một ngày về sự tốt xấu theo việc được trích ra từ một cuốn *Âm Dương đối lịch, năm Đinh Hợi-2007*, kể từ ngày mồng 1 tết năm Đinh Hợi (17/2/2007):

Bảng trích lịch năm Đinh Hợi-2007 từ ngày 1/Giêng-5/Giêng:

NGÀY	TRỤC	SAO	CÁT TINH (C), HUNG TINH (H)
17/2. THỨ BẢY 1/GIÊNG. NHÂM NGỌ	Định	Vị	C: Thiên đức hợp, Thiên mã, Nguyệt tài, Thiên giải, Thiên ân, Tam hợp. H: Đại hao, Ngũ quý, Ly sào, Bạch hổ.
18. CHỦ NHẬT 2/1. QUÝ MÙI	Chấp	Mão	C: Thiên thành, Ngọc đường. H: Thiên ôn, Tiểu không vong.
19. THỨ HAI 3. GIÁP THÂN	Phá	Tất	C: Giải thân, Thiên quý, Nguyệt giải, Dịch mã. H: Nguyệt phá, Trùng tang, Xích khẩu, Thiên lao
20. THỨ BA 4. ẤT DẬU	Nguy	Chuy	C: Phúc sinh, Thiên quý, Âm đức, Cát khánh, Sát cồng. H: Hoang vu, Ngũ hạp, Li sàng, Huyền vũ, Hắc đạo, Thiên lại, Huyền vũ.
21. THỨ TƯ 5. BÍNH TUẤT	Thành	Sâm	C: Nguyệt đức, Nguyệt ân, Thiên hỷ, Tam hợp, Hoàng ân, Trục tinh, Tư mệnh. H: Thọ Tử, Kim thân thất sát, Quý khốc, Cổ thân

* **Về ngày Dương lịch**, như ngày: 17/2. THỨ BẢY (2007): là ngày của Dương lịch, hay còn gọi là Lịch Graham, do Giáo hoàng La Mã Graham XIII khởi xướng vào năm 1582.

* **Về ngày biểu thị bằng số của lịch Âm** như ngày: 1/tháng Giêng (mồng 1 tết Đinh Hợi, 2007): là cách ghi ngày của Lịch nhà Hạ Trung Hoa cổ đại có cách nay khoảng hơn 2000 năm. Lịch này tục gọi là Lịch nhà nông, còn dân gian gọi là Âm lịch.

Tháng trong lịch này cũng tính theo tuần trăng, có tháng đủ, tháng thiếu, có tháng 29 ngày, có tháng 30 ngày. Năm bình thường của lịch này là 12 tháng, cả năm có 354 hoặc 355 ngày, thiếu khoảng 11 ngày so với năm Dương lịch (365 ngày), do vậy người xưa đã bố trí tháng nhuận, cứ 19 năm lại có 7 năm có tháng nhuận. Nhờ có cách tính tháng ngày theo sự tròn khuyết của mặt trăng, nên loại lịch này rất thuận tiện ở nông thôn Việt Nam và các nước khu vực châu Á. Lịch còn có tên gọi là Lịch nhà nông.

*** Về ngày Trực:** đây là cách ghi ngày theo 12 sao trong chòm sao Bắc Đẩu, do các nhà thiên văn cổ đưa ra. Qua trực cũng có thể đoán ngày chuyển tiết tức là sang tháng mới (không dựa vào ngày mồng 1 hay ngày 30 để phân định giới hạn của một tháng, điều này sẽ nói chi tiết hơn ở dưới đây) và đoán sự tốt xấu của một ngày. Theo Đồng Trọng Thư, một đại Nho gia thời Tây Hán (0206TCN-0025) Trung Hoa, ngày trực Định của tháng Giêng có tính chất như sau:

- Định: của tháng Giêng là ngày Ngọ, ngày có các cát tinh như: Hoàng sa, Tử đàn, Thiên hoàng, Đại hoàng, Kim ngân, Khố lâu, Nguyệt tài...nên khởi công tôn tạo, an táng, rời bếp, khai trương, xuất hành, việc hôn nhân cưới gả.

Như vậy ngày mồng một tết năm Đinh Hợi này là ngày trực Định nên tốt cho mọi việc, ngày này xuất hành đầu năm, khai bút, khai trương đều tốt.

*** Về ngày Sao:** ở đây là sao Vị, đó là cách ghi ngày theo Nhị thập bát tú (28 vì sao trên trời), qua mỗi sao cũng cho biết nên làm việc gì, tránh việc gì. ở đây ngày mồng 1 tháng Giêng có sao Vị, theo sách Lịch thư của Thái Bá Lệ của Hồng Kông thì lại tốt cho mọi việc, riêng mai táng thì xấu. Còn theo sách Trạch cát thân bí của Lưu Đạo Siêu của Trung Quốc thì lại xấu cho mai táng, hôn nhân tế tự.

*** Về ngày Cát (C) và Hung (H):** là hệ thống Thần Sát trong thuật trạch cát có từ xa xưa, được ghi và các ngày trong lịch từ đời Đường Tống Trung hoa cổ đại, đến đời nhà Thanh Trung Hoa cổ đại, được hoàn chỉnh về lý luận. Thần là cát tinh, sao tốt có thể hỗ trợ tốt cho các việc; Sát là hung tinh, sao xấu, làm tổn hại người và việc. Trong một ngày đều có sao xấu, sao tốt, nhưng sao tốt mạnh như Thiên đức, Nguyệt đức, Thiên giải, Hoàng đạo, Trực tinh, Sát cống..có sức mạnh hoả giải các sao

(CÒN TIẾP)